

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21NNA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023Phòng thi: D71 114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký        | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|---------------|--------------|--------|
| 1   | 110421008 | Nguyễn Hùng Cường    | 26/12/2003 | Nam  | 9.6    | 2.0     | 5.8      | 008          | <u>me</u>     |              |        |
| 2   | 110421038 | Thạch Thị Di Na      | 14/02/2003 | Nữ   | 9.1    | 3.3     | 6.2      | 009          | <u>Dma</u>    |              |        |
| 3   | 110421053 | Lâm Thiên Nhi        | 15/08/2002 | Nữ   | 9.8    | 2.5     | 6.2      | 010          | <u>Thul</u>   |              |        |
| 4   | 110421066 | Hồ Thị Như Quỳnh     | 24/10/2003 | Nữ   | 9.1    | 3.0     | 6.1      | 011          | <u>Ch</u>     |              |        |
| 5   | 110421093 | Điền Thị Quế Trân    | 27/12/2003 | Nữ   | 9.8    | 4.0     | 6.9      | 012          | <u>tran</u>   |              |        |
| 6   | 110421096 | Lâm Nhã Trân         | 14/11/2003 | Nữ   | 9.0    | 3.0     | 6.0      | 013          | <u>tran</u>   |              |        |
| 7   | 110421098 | Nguyễn Thị Bảo Trang | 06/09/2003 | Nữ   | 8.6    | 1.5     | 5.1      | 014          | <u>Nguyen</u> |              |        |
| 8   | 110421101 | Thạch Thị Tranh      | 16/06/2003 | Nữ   | 9.8    | 3.8     | 6.8      | 015          | <u>Tru</u>    |              |        |
| 9   | 110421161 | Trương Gia Mẫn       | 07/06/2003 | Nam  | 9.3    | 3.0     | 6.2      | 016          | <u>tru</u>    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh ThanhĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Ghi Sơn

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21NNAB

CBGD: Trần Mộng Dầy (00337)

Hình thức đánh giá: Giải nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV  | Ngày sinh | Phái       | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|---------------|-----------|------------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 110421010 | Nguyễn Lê Hải | Đặng      | 10/12/2003 | Nam    | 10.0    | 4.5      | 7.3          | 001    |              |        |
| 2   | 110421019 | Châu Ngọc     | Hân       | 03/02/2003 | Nữ     | 10.0    | 4.8      | 7.4          | 002    |              |        |
| 3   | 110421029 | Nguyễn Văn    | Kỳ        | 24/11/2000 | Nam    | 10.0    | 6.3      | 8.2          | 003    |              |        |
| 4   | 110421034 | Lê Thị Hạ     | My        | 04/07/2003 | Nữ     | 9.8     | 3.5      | 6.6          | 004    |              |        |
| 5   | 110421060 | Trần Thị Đà   | Ni        | 29/01/2002 | Nữ     | 9.9     | 4.0      | 7.0          | 005    |              |        |
| 6   | 110421072 | Lê Thị Như    | Tâm       | 26/03/2003 | Nữ     | 8.8     | /        | /            | /      |              |        |
| 7   | 110421082 | Nguyễn Hoàn   | Thiện     | 13/05/2003 | Nam    | 9.9     | 3.8      | 6.9          | 007    |              |        |
| 8   | 110421112 | Lê Phước      | Vân       | 07/09/2003 | Nam    | 10.0    | 6.3      | 8.2          | 008    |              |        |
| 9   | 110421113 | Trương Hồng   | Vĩ        | 20/06/2003 | Nam    | 10.0    | 5.8      | 7.9          | 009    |              |        |
| 10  | 110421123 | Trần Thị Hồng | Xuân      | 14/04/2003 | Nữ     | 9.8     | 4.5      | 7.1          | 010    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10..

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: .....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: .....

Tổng số tờ: .....

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Chu Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA2INNAD

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
24 / 11 / 2023

Phòng thi: D.71 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV   | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký     | Đổi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|------------|--------------|--------|
| 1   | 110421058 | Trần Huỳnh Như | 26/10/2003 | Nữ   | 10.0   | 58      | 7.9      | 014          | <u>Như</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 1

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 1

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngân Hà

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Val

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21NNAC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023Phòng thi: 071.114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký      | Đôi<br>tượng<br>SV | Gh<br>chú |
|-----|-----------|-------------------|------------|------|--------|---------|----------|-----------------|-------------|--------------------|-----------|
| 1   | 110421021 | Võ Thị Thúy Hằng  | 27/08/2003 | Nữ   | 9.8    | 4.5     | 7.2      | 017             | <i>Thuy</i> |                    |           |
| 2   | 110421078 | Võ Ngọc Yến Thanh | 20/01/2003 | Nữ   | 8.8    | 4.3     | 6.6      | 018             | <i>Yen</i>  |                    |           |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Trần Thị SenCán bộ kiểm tra: Trần Thị SenNguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA2ITTA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: D81.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV  | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT     | Điểm KT    | Tổng kết   | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký    | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|---------------|------------|------|------------|------------|------------|--------------|-----------|--------------|--------|
| 1   | 110121111 | Phan Minh Thử | 22/04/2003 | Nam  | <u>9.8</u> | <u>4.5</u> | <u>7.2</u> | <u>016</u>   | <u>Th</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: .....

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: La Cao Đình Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: La

Nguyễn Thị Lành



**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21TTB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Cử nhân

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: D7.1.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký    | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|-----------|--------------|--------|
| 1   | 110121004 | Nguyễn Gia Bảo       | 28/05/2003 | Nam  | 8.4    | 3.8     | 6.1      | 017          | <u>B</u>  |              |        |
| 2   | 110121032 | Huỳnh Phan Thanh Huy | 30/12/2003 | Nam  | 8.0    | 4.0     | 6.0      | 018          | <u>hu</u> |              |        |
| 3   | 110121035 | Nguyễn Hoàng Khang   | 06/12/2003 | Nam  | 9.8    | 5.0     | 7.4      | 019          | <u>B</u>  |              |        |
| 4   | 110121097 | Dương Thành Tân      | 18/10/2003 | Nam  | 10.0   | 2.8     | 6.4      | 020          | <u>th</u> |              |        |
| 5   | 110121099 | Phan Hồng Thái       | 25/01/2002 | Nam  | 7.8    | 2.5     | 5.2      | 021          | <u>th</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: .....

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: la Cao Hoàng phước

Cán bộ ghi điểm: hu Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: la

Nguyễn Thị Linh

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21DCN

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

24/11

ĐH 112

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
24 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐH 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký             | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|------------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------------------|--------------|--------|
| 1   | 112121003 | Trần Quốc Bảo          | 02/11/2003 | Nam  | 8.8    | 1.5     | 5.2      | 004          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 2   | 112121012 | Trương Thành Đạt       | 23/10/2003 | Nam  | 9.5    | 4.0     | 6.8      | 005          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 3   | 112121058 | Lương Trung Nhựt       | 13/11/2003 | Nam  | 9.9    | 2.3     | 5.8      | 006          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 4   | 112121070 | Trịnh Hữu Tài          | 25/12/2003 | Nam  | 10.0   | 2.5     | 6.3      | 007          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 5   | 112121098 | Kim Thành Được         | 30/01/2003 | Nam  | 9.8    | 3.3     | 6.6      | 008          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 6   | 112121109 | Phạm Tôn Triệu Vĩ      | 28/09/2003 | Nam  | 7.3    | 3.8     | 5.6      | 009          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 7   | 112121111 | Nguyễn Huỳnh Hữu Thiện | 20/08/2003 | Nam  | 7.8    | 3.0     | 5.4      | 010          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 8   | 112121126 | Phạm Hoài Khương       | 15/04/2003 | Nam  | 8.3    | 3.3     | 5.8      | 011          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 9   | 112121133 | Thạch Kim Luân         | 22/02/2003 | Nam  | 9.0    | 5.0     | 7.0      | 012          | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 10  | 112121144 | Nguyễn Lê Tuấn Kiệt    | 15/01/2003 | Nam  | 9.0    | 2.8     | 5.9      | 013          | <i>[Signature]</i> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Ph. Nguyễn Thị Ngân Hà

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Ph. Trần Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Ph. Lê

Nguyễn Thị Lân

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21SPTK

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: D2.1.113

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV     | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT      | Điểm KT    | Tổng kết   | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký             | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|------------------|------------|------|-------------|------------|------------|--------------|--------------------|--------------|--------|
| 1   | 118221002 | Danh Thị Lel     | 10/06/2001 | Nữ   | <u>9.8</u>  | <u>4.0</u> | <u>6.9</u> | <u>011</u>   | <u>M</u>           |              |        |
| 2   | 118221003 | Chau Rin         | 16/06/2003 | Nam  | <u>10.0</u> | <u>2.8</u> | <u>6.4</u> | <u>012</u>   | <u>Binh</u>        |              |        |
| 3   | 118221011 | Kim Thị Nhi Binh | 11/02/2003 | Nữ   | <u>10.0</u> | <u>2.0</u> | <u>6.0</u> | <u>013</u>   | <u>Binh</u>        |              |        |
| 4   | 118221012 | Thạch Dương      | 05/02/2003 | Nam  | <u>10.0</u> | <u>3.5</u> | <u>6.8</u> | <u>014</u>   | <u>Thạch Dương</u> |              |        |
| 5   | 118221022 | Diệp Văn Thia    | 21/10/2003 | Nam  | <u>10.0</u> | <u>3.8</u> | <u>6.9</u> | <u>015</u>   | <u>Diệp Văn</u>    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05...

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành



HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21CNSH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023Phòng thi: D71 114

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV       | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/<br>Mã đề | Chữ ký | Đôi<br>tượng<br>SV | Gh<br>chí |
|-----|-----------|--------------------|------------|------|--------|---------|----------|-----------------|--------|--------------------|-----------|
| 1   | 117721001 | Nguyễn Tuyết Anh   | 05/01/2003 | Nữ   | 9.5    | 4,3     | 6.9      | 001             |        |                    |           |
| 2   | 117721002 | Nguyễn Lý Ngọc Hân | 15/09/2003 | Nữ   | 10.0   | 4,0     | 7.0      | 002             |        |                    |           |
| 3   | 117721003 | Huỳnh Lâm Anh Kiệt | 16/12/2003 | Nam  | 10.0   | 3,5     | 6.8      | 003             |        |                    |           |
| 4   | 117721006 | Trần Thị Yến Như   | 25/05/2002 | Nữ   | 10.0   | 3,5     | 6.8      | 004             |        |                    |           |
| 5   | 117721013 | Đặng Thị Oanh Yến  | 08/12/2003 | Nữ   | 9.5    | 3,5     | 6.5      | 005             |        |                    |           |
| 6   | 117721014 | Dương Tiểu Muội    | 11/10/2003 | Nữ   | 10.0   | 5,5     | 7.8      | 006             |        |                    |           |
| 7   | 117721017 | Nguyễn Như Khải    | 31/08/2003 | Nam  | 10.0   | 3,8     | 6.9      | 007             |        |                    |           |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07Tổng số tờ: 07Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh ThanhĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 05 tháng 12 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21THB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc Nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV       | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký         | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|--------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|----------------|--------------|--------|
| 1   | 114321070 | Nguyễn Trần Tố Như | 12/09/2003 | Nữ   | 10.0   | 5,8     | 7.9      | 015          | <i>nhuc</i>    |              |        |
| 2   | 114321071 | Thạch Thị Đa Ni    | 30/05/2003 | Nữ   | 10.0   | 6,0     | 8.0      | 016          | <i>gan</i>     |              |        |
| 3   | 114321106 | Phạm Thị Thu Trâm  | 21/05/2003 | Nữ   | 10.0   | 6,5     | 8.3      | 017          | <i>thutrit</i> |              |        |
| 4   | 114321111 | Lâm Phương Trang   | 25/04/2003 | Nữ   | 10.0   | 5,5     | 7.8      | 018          | <i>phyl</i>    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 4.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 4.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 4.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thị Ngân Hà*

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *Trần Thị Sen*

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: *Trần Thị Sen*

*Nguyễn Thị Lành*

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA21CKB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc Nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
24 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV   | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 111821042 | Nguyễn Tấn Quý | 08/05/2003 | Nam  | 7.9    | -       | -        | -            | -      | -            |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 1

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 0

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: .....

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Ph. Nguyễn Thị Ngân Hà

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Ph. Trần Chí Sơn

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Ph. Nguyễn Thị Ngân Hà

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/CA21MNA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
24 / 11 / 2023

Phòng thi: DT1 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV        | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT     | Điểm KT    | Tổng kết   | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký    | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|---------------------|------------|------|------------|------------|------------|--------------|-----------|--------------|--------|
| 1   | 214221010 | Nguyễn Thị Hồng Gấm | 07/03/2002 | Nữ   | <u>9.8</u> | <u>4.3</u> | <u>7.1</u> | <u>002</u>   | <u>ga</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 1.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 1.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn T Ngân Hà

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Thị

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (32 - )/DA19CNOTA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc Nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV | Đạt | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký                                                                              | Đôi tượng SV | Gh chi |
|-----|-----------|--------------|-----|------------|------|--------|---------|----------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------|
| 1   | 118019003 | Huỳnh Tấn    | Đạt | 13/06/1997 | Nam  | 8.4    | 1,8     | 5.1      | 001          |  |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 1

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 1

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Trần Mộng Đây

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Ngọc

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: Trần Thị Ngọc

Nguyễn Thị Lành